

DANH SÁCH MÔN THI HỌC KỲ 3 (2025-2026)

STT	MÃ MÔN	TÊN MÔN	KHOA
1	1230444	An ninh mạng	Khoa Công nghệ thông tin
2	1250234	Điện toán đám mây	Khoa Công nghệ thông tin
3	1210112	Khởi nghiệp	Khoa Công nghệ thông tin
4	1230194	Lập trình mạng	Khoa Công nghệ thông tin
5	1230474	Mẫu thiết kế cho phần mềm	Khoa Công nghệ thông tin
6	1211064	Phân tích dữ liệu kinh doanh	Khoa Công nghệ thông tin
7	1250134	Thiết kế giao diện	Khoa Công nghệ thông tin
8	1250364	Thương mại điện tử	Khoa Công nghệ thông tin
9	1230404	Trí tuệ nhân tạo	Khoa Công nghệ thông tin
10	1270133	Công nghệ phần mềm cho Trí tuệ Nhân tạo	Khoa Công nghệ thông tin
11	1261073	Quản trị dự án	Khoa Công nghệ thông tin
12	1230564	Thị giác máy tính	Khoa Công nghệ thông tin
13	1221064	Công nghệ phần mềm	Khoa Công nghệ thông tin
14	1260023	Hành vi người tiêu dùng	Khoa Công nghệ thông tin
15	1230314	Hệ thống thông tin quản lý	Khoa Công nghệ thông tin
16	1230344	Lập trình trên web nâng cao	Khoa Công nghệ thông tin
17	1210174	Săn lùng và các mối đe dọa	Khoa Công nghệ thông tin
18	1262034	Vi xử lý – vi điều khiển	Khoa Công nghệ thông tin
19	1223014	Hệ điều hành mạng	Khoa Công nghệ thông tin
20	1262094	Hệ thống thông minh	Khoa Công nghệ thông tin
21	1250084	Phân tích và thiết kế phần mềm	Khoa Công nghệ thông tin
22	1230184	Máy học	Khoa Công nghệ thông tin
23	1250304	Dữ liệu lớn	Khoa Công nghệ thông tin
24	1230454	Thiết kế hệ thống mạng	Khoa Công nghệ thông tin
25	1261033	Chiến lược Marketing	Khoa Công nghệ thông tin
26	1250274	Bảo mật người dùng cuối	Khoa Công nghệ thông tin
27	1250343	Khởi nghiệp	Khoa Công nghệ thông tin
28	1230524	Lập trình trên thiết bị di động nâng cao	Khoa Công nghệ thông tin
29	1230934	Hệ hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	Khoa Công nghệ thông tin
30	1230214	Lập trình trên web	Khoa Công nghệ thông tin
31	1230494	Hệ thống thông tin kế toán	Khoa Công nghệ thông tin
32	1222014	Các hệ quản trị cơ sở dữ liệu	Khoa Công nghệ thông tin
33	1222024	Cơ sở dữ liệu nâng cao	Khoa Công nghệ thông tin
34	1260054	Thiết kế truyền thông	Khoa Công nghệ thông tin
35	1250033	Giải tích	Khoa Công nghệ thông tin
36	1260043	Tài chính doanh nghiệp	Khoa Công nghệ thông tin
37	1210113	Xác suất thống kê	Khoa Công nghệ thông tin
38	1250124	Kỹ thuật mật mã	Khoa Công nghệ thông tin
39	1010553	Tin học quản lý	Khoa Công nghệ thông tin
40	1250174	Khai khoáng dữ liệu	Khoa Công nghệ thông tin
41	1010793	Tin học ứng dụng	Khoa Công nghệ thông tin
42	1311073	Hành vi người tiêu dùng trong DL-KS	Khoa Du lịch - Khách sạn
43	1312513	Quản trị điểm đến	Khoa Du lịch - Khách sạn
44	1322573	Tôn giáo - Tín ngưỡng	Khoa Du lịch - Khách sạn
45	1524133	Tổng quan du lịch	Khoa Du lịch - Khách sạn
46	1325233	Du lịch M.I.C.E	Khoa Du lịch - Khách sạn
47	1330273	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	Khoa Du lịch - Khách sạn

48	1322153	Quản trị tiền sảnh	Khoa Du lịch - Khách sạn
49	2310663	Tiếng Anh chuyên ngành luật 2	Khoa Luật
50	2310513	Tiếng Anh pháp lý trong lĩnh vực tư	Khoa Luật
51	2311242	Luật thi hành án dân sự	Khoa Luật
52	2311383	Pháp luật về Quản trị nhân sự	Khoa Luật
53	2310633	Luật thương mại 2	Khoa Luật
54	2311642	Pháp luật thanh tra và khiếu nại tố cáo	Khoa Luật
55	1424082	Luật kinh doanh	Khoa Luật
56	2320043	Luật kinh doanh	Khoa Luật
57	2310133	Luật lao động	Khoa Luật
58	1010052	Đại cương pháp luật Việt Nam	Khoa Luật
59	2020052	Luật kinh tế	Khoa Luật
60	2310632	Luật thương mại 2	Khoa Luật
61	2310723	Pháp luật môi trường	Khoa Luật
62	2311672	Luật Biển quốc tế hiện đại	Khoa Luật
63	2320033	Luật kinh doanh quốc tế	Khoa Luật
64	2311592	Luật tổ tụng hành chính	Khoa Luật
65	2320002	Luật sở hữu trí tuệ	Khoa Luật
66	2310353	Pháp luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	Khoa Luật
67	2320012	Luật thương mại quốc tế	Khoa Luật
68	2310733	Pháp chế doanh nghiệp và kỹ năng pháp chế doanh nghiệp	Khoa Luật
69	2390103	Pháp luật về đầu tư	Khoa Luật
70	2320053	Luật giáo dục	Khoa Luật
71	2320072	Pháp luật thương mại điện tử	Khoa Luật
72	1010092	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Khoa Lý luận chính trị
73	1010472	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Khoa Lý luận chính trị
74	1010462	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Khoa Lý luận chính trị
75	1525213	Dịch vụ khách hàng	Khoa Ngoại ngữ
76	1930303	Kỹ năng giao tiếp kinh thương 1	Khoa Ngoại ngữ
77	1930313	Kỹ năng giao tiếp kinh thương 2	Khoa Ngoại ngữ
78	1524083	Tâm lý học giáo dục	Khoa Ngoại ngữ
79	1930363	Tiếng Trung chuyên ngành Quảng cáo - Tiếp thị	Khoa Ngoại ngữ
80	1910403	Viết ứng dụng	Khoa Ngoại ngữ
81	1523123	Nghiệp vụ thư ký	Khoa Ngoại ngữ
82	1526163	Biên dịch tiếng Trung cơ bản	Khoa Ngoại ngữ
83	1910193	Đất nước học Trung Quốc	Khoa Ngoại ngữ
84	1531113	Giao tiếp công sở	Khoa Ngoại ngữ
85	1525083	Kỹ năng thương lượng	Khoa Ngoại ngữ
86	1521593	Phiên dịch hội nghị	Khoa Ngoại ngữ
87	1551003	Thuật ngữ Y khoa & hồ sơ chuyên môn	Khoa Ngoại ngữ
88	1117043	Tiếng Trung Quốc 4	Khoa Ngoại ngữ
89	1114043	Tiếng Pháp 4	Khoa Ngoại ngữ
90	1117033	Tiếng Trung Quốc 3	Khoa Ngoại ngữ
91	1521483	Ngữ pháp tiếng Anh	Khoa Ngoại ngữ
92	1920143	Văn minh-Văn hóa Trung Quốc	Khoa Ngoại ngữ
93	1922083	Dịch vụ khách hàng	Khoa Ngoại ngữ
94	1523083	Tiếng Anh chuyên ngành kinh thương	Khoa Ngoại ngữ
95	1524183	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics	Khoa Ngoại ngữ
96	1551113	Tiếng Anh y khoa trong tư vấn & giáo dục sức khỏe	Khoa Ngoại ngữ
97	1527033	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng	Khoa Ngoại ngữ

98	1526093	Tiếng Trung tổng quát	Khoa Ngoại ngữ
99	1510353	Ngữ nghĩa tiếng Anh	Khoa Ngoại ngữ
100	1521333	Phiên dịch Anh - Việt 1	Khoa Ngoại ngữ
101	1920193	Đọc-Viết tiếng Trung trung cấp	Khoa Ngoại ngữ
102	1920223	Văn hóa Trung Quốc	Khoa Ngoại ngữ
103	1531223	Giao tiếp liên văn hóa	Khoa Ngoại ngữ
104	1111043	Tiếng Anh 4	Khoa Ngoại ngữ
105	1525183	Quản trị học nhập môn	Khoa Ngoại ngữ
106	1930373	Tổng quan du lịch (TV)	Khoa Ngoại ngữ
107	1911183	Soạn thảo văn bản thương mại tiếng Trung	Khoa Ngoại ngữ
108	1920053	Nghe - Ghi chú tiếng Trung	Khoa Ngoại ngữ
109	1523063	Quản trị nguồn nhân lực	Khoa Ngoại ngữ
110	1521383	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh 2	Khoa Ngoại ngữ
111	1523133	Ngữ âm thực hành	Khoa Ngoại ngữ
112	1510363	Văn minh - Văn hóa Anh-Mỹ	Khoa Ngoại ngữ
113	1510403	Nhập môn Tiếp thị số	Khoa Ngoại ngữ
114	1922073	Phiên dịch chuyên ngành Trung - Việt	Khoa Ngoại ngữ
115	1521343	Quản lý hành chính Nhà nước và Quản lý Nhà nước về giáo dục	Khoa Ngoại ngữ
116	1531513	Kỹ năng tiếng Anh nâng cao	Khoa Ngoại ngữ
117	1526153	Soạn thảo văn bản tiếng Trung	Khoa Ngoại ngữ
118	1111033	Tiếng Anh 3	Khoa Ngoại ngữ
119	1626122	Hình thái học tiếng Hàn	Khoa Ngôn ngữ và văn hóa phương Đông
120	1113043	Tiếng Nhật 4	Khoa Ngôn ngữ và văn hóa phương Đông
121	1112043	Tiếng Hàn 4	Khoa Ngôn ngữ và văn hóa phương Đông
122	1626142	Ngữ nghĩa học tiếng Hàn	Khoa Ngôn ngữ và văn hóa phương Đông
123	1621352	Viết tiếng Hàn 7	Khoa Ngôn ngữ và văn hóa phương Đông
124	1620092	Hệ thống chính trị và pháp luật các nước phương Đông	Khoa Ngôn ngữ và văn hóa phương Đông
125	1610062	Lịch sử Korea	Khoa Ngôn ngữ và văn hóa phương Đông
126	1621322	Nghe tiếng Hàn 7	Khoa Ngôn ngữ và văn hóa phương Đông
127	1010302	Dẫn luận ngôn ngữ học	Khoa Ngôn ngữ và văn hóa phương Đông
128	1610072	Lịch sử Nhật Bản	Khoa Ngôn ngữ và văn hóa phương Đông
129	1630243	Từ vựng- Ngữ nghĩa học tiếng Nhật	Khoa Ngôn ngữ và văn hóa phương Đông
130	1010112	Tâm lý học đại cương	Khoa Ngôn ngữ và văn hóa phương Đông
131	1621312	Đọc tiếng Hàn 7	Khoa Ngôn ngữ và văn hóa phương Đông
132	1621342	Nói tiếng Hàn 7	Khoa Ngôn ngữ và văn hóa phương Đông
133	1722603	Quản trị chiến dịch PR	Khoa Quan hệ quốc tế & Truyền thông
134	1722342	Văn hóa giao tiếp	Khoa Quan hệ quốc tế & Truyền thông
135	1722413	Quan hệ báo chí	Khoa Quan hệ quốc tế & Truyền thông
136	1722213	Đàm phán quốc tế	Khoa Quan hệ quốc tế & Truyền thông
137	1730402	PR đối nội và quan hệ cộng đồng	Khoa Quan hệ quốc tế & Truyền thông
138	1720292	Soạn thảo văn bản thương mại	Khoa Quan hệ quốc tế & Truyền thông
139	1930193	Khánh tiết lễ tân	Khoa Quan hệ quốc tế & Truyền thông
140	1730353	Kỹ năng viết và biên tập bài báo	Khoa Quan hệ quốc tế & Truyền thông
141	1722592	Kỹ năng tổ chức sự kiện quốc tế	Khoa Quan hệ quốc tế & Truyền thông
142	1721053	Lễ tân ngoại giao	Khoa Quan hệ quốc tế & Truyền thông
143	1730393	Truyền thông kỹ thuật số	Khoa Quan hệ quốc tế & Truyền thông
144	1722163	Hợp đồng thương mại quốc tế	Khoa Quan hệ quốc tế & Truyền thông
145	1722032	Phát ngôn viên tổ chức	Khoa Quan hệ quốc tế & Truyền thông
146	1710583	Phương pháp nghiên cứu QHQT	Khoa Quan hệ quốc tế & Truyền thông
147	1722083	Tiếp thị sự kiện	Khoa Quan hệ quốc tế & Truyền thông

148	1722622	Đạo đức truyền thông	Khoa Quan hệ quốc tế & Truyền thông
149	1710483	Biên dịch Báo chí	Khoa Quan hệ quốc tế & Truyền thông
150	1710563	Biên dịch chuyên ngành QHQT	Khoa Quan hệ quốc tế & Truyền thông
151	1730212	Quan hệ lao động	Khoa Quan hệ quốc tế & Truyền thông
152	1722412	Quan hệ báo chí	Khoa Quan hệ quốc tế & Truyền thông
153	1730043	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Khoa Quan hệ quốc tế & Truyền thông
154	1730403	PR đối nội và quan hệ cộng đồng	Khoa Quan hệ quốc tế & Truyền thông
155	1720373	Quản trị khủng hoảng	Khoa Quan hệ quốc tế & Truyền thông
156	1722333	An ninh con người	Khoa Quan hệ quốc tế & Truyền thông
157	1722212	Đàm phán quốc tế	Khoa Quan hệ quốc tế & Truyền thông
158	1533023	Kỹ năng viết báo in	Khoa Quan hệ quốc tế & Truyền thông
159	1710423	Kỹ năng phiên dịch tiếng Anh	Khoa Quan hệ quốc tế & Truyền thông
160	1710573	Phiên dịch chuyên ngành QHQT	Khoa Quan hệ quốc tế & Truyền thông
161	1421063	Kinh tế vĩ mô	Khoa Quản trị kinh doanh
162	1422173	Quản trị sản xuất	Khoa Quản trị kinh doanh
163	1421023	Giao tiếp kinh doanh	Khoa Quản trị kinh doanh
164	1422282	Giới thiệu Logistics và chuỗi cung ứng xanh	Khoa Quản trị kinh doanh
165	1422053	Nghệp vụ ngoại thương	Khoa Quản trị kinh doanh
166	1411113	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Khoa Quản trị kinh doanh
167	1530143	Thương mại điện tử	Khoa Quản trị kinh doanh
168	1421263	Nguyên lý kế toán	Khoa Quản trị kinh doanh
169	1425123	Thương mại điện tử	Khoa Quản trị kinh doanh
170	1422153	Nguyên lý cơ bản về quản trị Logistics	Khoa Quản trị kinh doanh
171	1411153	Marketing căn bản	Khoa Quản trị kinh doanh
172	1425203	Marketing quốc tế	Khoa Quản trị kinh doanh
173	1424043	Thống kê trong kinh doanh	Khoa Quản trị kinh doanh
174	1421103	Quản trị học	Khoa Quản trị kinh doanh
175	2021103	Thanh toán quốc tế	Kinh tế - Tài chính
176	2022353	Mua bán và sáp nhập	Kinh tế - Tài chính
177	2022453	Khởi nghiệp	Kinh tế - Tài chính
178	2022433	Thẩm định dự án đầu tư	Kinh tế - Tài chính
179	2011123	Trực quan hóa dữ liệu	Kinh tế - Tài chính
180	2022583	Kiểm toán 2	Kinh tế - Tài chính
181	2021263	Tài chính công	Kinh tế - Tài chính
182	2022483	Chuẩn mực IFRS 2	Kinh tế - Tài chính
183	2021333	Công cụ tài chính phái sinh	Kinh tế - Tài chính
184	2011113	Kế toán Excel	Kinh tế - Tài chính
185	2022523	Thuế và khai báo thuế	Kinh tế - Tài chính
186	2022323	Định giá tài sản	Kinh tế - Tài chính
187	2010283	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính ngân hàng 1	Kinh tế - Tài chính
188	2021013	Tài chính - Tiền tệ	Kinh tế - Tài chính
189	2022033	Kế toán tài chính 3	Kinh tế - Tài chính
190	2023113	Marketing ngân hàng	Kinh tế - Tài chính
191	2021113	Kế toán ngân hàng	Kinh tế - Tài chính
192	2022443	Đầu tư bất động sản	Kinh tế - Tài chính